

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN MINH LONG

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 01/2017/DS-ST

Ngày: 04/8/2017.

V/v: Tranh chấp về

hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Muôn.

2. Ông Đinh Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Ngọc Anh- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Minh Long.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST- DS, ngày 13 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Võ Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

2. Bị đơn: ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2017 nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày: Ngày 25/8/2014, bà có cho ông Trần Thanh Đ vay số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), thời hạn vay 15 ngày để đáo hạn ngân hàng. Khi vay ông Đ có viết giấy vay nợ giao cho bà và bà giao đủ tiền cho ông Đ. Đến thời hạn trả nợ là ngày 10/9/2014 ông Đ không trả được nợ và tiếp tục viết vào giấy vay hẹn đến ngày 25/10/2014 sẽ trả nhưng ông Đ vẫn không trả. Đến ngày 03/11/2015, ông Đ viết giấy hẹn trả nợ dần cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng và đã trả được

11.695.000 đồng thì không trả nữa nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả cho bà số tiền còn nợ là 13.305.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 19/5/2017 và tại phiên tòa bà T khẳng định ông Đ đã trả tiền cho bà sáu lần với tổng số tiền 14.495.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) nợ gốc chứ không phải số tiền 11.695.000 đồng như bà đã trình bày trong đơn khởi kiện và hiện nay ông Đ còn nợ 10.505.000 đồng (*Mười triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) nên bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh Đ phải trả cho bà số tiền nợ gốc 10.505.000 đồng (*Mười triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*), bà không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn yêu cầu ngày 28/4/2017 bị đơn ông Trần Thanh Đ trình bày ông chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 10.505.000 đồng (*Mười triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) chứ không phải còn nợ số tiền 13.305.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án gia hạn đến ngày 04/8/2017 bị đơn sẽ thực hiện đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng ông Trần Thanh Đ vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông Trần Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu của bà Võ Thị T đòi ông Trần Thanh Đ phải trả số tiền 10.505.000 đồng tiền gốc từ số tiền đã vay 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 25/8/2014 nhưng ông Đ mới chỉ trả cho bà số tiền tiền 14.495.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: “Tại đơn yêu cầu đề ngày 28/4/2017 bị đơn ông Trần Thanh Đ trình bày ông chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 10.505.000 đồng chứ không phải còn nợ số tiền 13.305.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy ông Trần Thanh Đ đã vay của bà Võ Thị T số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 25/8/2014 nhưng ông Đ mới chỉ trả cho bà số tiền tiền 14.495.000 đồng nợ gốc, hiện nay còn nợ bà T số tiền gốc đã vay là 10.505.000 đồng là có thật. Do đó, việc bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh Đ phải trả số nợ gốc

10.505.000 đồng (*Mười triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) là có căn cứ nên Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi: bà Võ Thị T không yêu cầu ông Trần Thanh Đ phải trả tiền lãi nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: ông Trần Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 468, Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T. Buộc ông Trần Thanh Đ phải trả cho bà Võ Thị T 10.505.000đồng (*Mười triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) tiền nợ gốc theo hợp đồng vay tài sản ngày 25/8/2014.

2. Ông Trần Thanh Đ phải chịu 525.000đồng (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND huyện C.
- Chi cục THADS huyện C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đình Nam

